TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ** **TP. ĐÀ NẴNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 18 - 4 - 2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Du

2. Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự- Thư ký tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ: 2 N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Phạm Đăng H- Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân. Địa chỉ liên hệ: 1 B, quận H, thành phố Đà Nẵng- Có mặt;

2. Bị đơn: Ông **Trần Ngọc A**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: G H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2024, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) – Chi nhánh Đ có ký hợp đồng với ông Trần Ngọc A theo hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 04/8/2023 (bao gồm Giấy đề nghị cấp

thẻ tin dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông A, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 115.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân, thông qua khoản vay.

Đối với thẻ tin dụng quốc tế Cre Platinum 436438-4808;

Đến ngày 25/10/2023 ông A đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 218.378.000 đồng. Ông A đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 105.054.194 đồng. Trong đó phí thường niên: 599.000 đồng, phí VHM 75.371 đồng, phí trễ hạn 100.000 đồng, lãi phát sinh 7.256.847 đồng và thanh toàn gốc 97.022.976 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng);

Đến ngày 26/02/2024 ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tin cung của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông A và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng trẻ tín dụng của Ngân hàng)

Từ ngày 26/02/2024 đến ngày 18/4/2025, ông A vẫn chưa thanh toán thêm cho ngân hàng. Tính đến ngày 18/4/2025, ông A còn nợ ngân hàng: Dư nợ: 140.700.418 đồng; lãi trong hạn: 48.541.302 đồng; lãi quá hạn: 24.270.651 đồng. Tổng cộng: 213.512.371 đồng.

Lãi suất trong hạn: 2,48% tháng; lãi suất quá hạn: 3,72%/tháng (2.480%x150%).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông A có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông A vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Trần Ngọc A phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tính từ ngày 26/02/2024 đến ngày 18/4/2025 là 213.512.371 đồng, trong đó: Dư nợ: 140.700.418 đồng; lãi trong hạn: 48.541.302 đồng; lãi quá hạn: 24.270.651 đồng.

2. Buộc ông Trần Ngọc A phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/4/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Bị đơn ông Trần Ngọc A đã được tòa án tiến hành tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng bà linh đều vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S2 tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn là ông Trần Ngọc A vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Do có nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên vào ngày 04/8/2023, ông Trần Ngọc A có ký thẻ tín dụng số 436438-4808 với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 115.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng 2,48%/tháng (lãi suất trong hạn), lãi suất quá hạn: 3.72%/tháng (2,480%x150%) và được S1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP S đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của ông A về việc cấp thẻ tín dụng và ông A đã thực hiện ba lần giao dịch với tổng số tiền 218.378.000 đồng, nhưng cho đến nay ông A vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà đã vi phạm các cam kết về kỳ hạn trả nợ cho Ngân hàng TMCP S. Kể từ khi được cấp thẻ tín dụng đến ngày 25/10/2023 ông A đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S được 105.054.194 đồng. Do ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/02/2024 Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết; buộc ông Trần Ngọc A trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 18/4/2025 là 213.512.371 đồng, trong đó: Dư nợ: 140.700.418 đồng; lãi trong hạn: 48.541.302 đồng; lãi quá hạn: 24.270.651 đồng.

Ông Trần Ngọc A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/4/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và ý kiến, trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3]Đối với yêu cầu trả khoản nợ gốc: 140.700.418 đồng;

Ngày 04/8/2023, ông Trần Ngọc A ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị kiêm hợp đồngcấp thẻ tín dụng cá nhân số 436438-4808, theo đó Ngân hàng TMCP S cấp cho ông Trần Ngọc A thẻ tín dụng với hạn mức 115.000.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng TMCP S cung cấp thể hiện; sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông A đã

thực hiện 03 lần giao dịch với số tiền 218.378.000 đồng, tính đến ngày 25/10/2023 ông A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 105.054.194 đồng. Tính đến ngày 18/4/2025 dư nợ gốc của ông A là 140.700.418 đồng, từ thời điểm đó đến nay ông A không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí cho Ngân hàng. Như vậy, theo bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ như đã viện dẫn nêu trên thì ông A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với S1. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông A phải thanh toán nợ cho Ngân hàng trong đó có khoản nợ gốc 140.700.418 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3.1]Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bị đơn trả khoản lãi trong hạn 48.541.302 đồng và lãi quá hạn với số tiền 24.270.651 đồng tính từ ngày 26/02/2024 đến ngày 18/4/2025. Tổng cộng là: 72.811.953 đồng. Theo cam kết tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng thì các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn áp dụng là 2,48%/tháng; lãi suất quá hạn: 3.72%/tháng (2.480%x150%). Như vậy, số tiền Ngân hàng yêu cầu ông Trần Ngọc A phải thanh toán khoản lãi trong hạn 48.541.302 đồng và lãi quá hạn với số tiền 24.270.651 đồng tính từ ngày 26/02/2024 đến ngày 18/4/2025 với tổng số tiền là 72.811.953 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N quy định "*Số tiền lãi: là khoản tiền tổ chức tín dụng phải trả cho khách hàng gửi tiền hoặc khách hàng nhận cấp tín dụng phải trả cho tổ chức tín dụng về việc sử dụng khoản tiền đã nhận"*. Theo điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định *"Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất không vượt quá 150% lãi cho vay trong hạn"*. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn trên số tiền nợ gốc là 140.700.418 đồng, tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nên cần chấp nhận.

[5] Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 436438-4808 ngày 04/8/2023; căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Trần Ngọc A.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch 5% của số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận, gửi tiền, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.Thông

tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhậnyêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP S đối với ông Trần Ngọc A.

Tuyên xử: Buộc ông Trần Ngọc A phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 18/4/2025 là 213.512.371 đồng, trong đó; nợ gốc: 140.700.418 đồng; lãi trong hạn 48.541.302 đồng, lãi quá hạn 24.270.651 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 19/4/2025) ông Trần Ngọc A còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Án phí dân sự sơ thẩm: 10.675.618 đồng, ông Trần Ngọc A phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.355.634 đồng theo biên lai thu số 0009383 ngày 09/12/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP ..

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm